

Số: 02 /HD-ĐCT

Hà Nội, ngày 6 tháng 7 năm 2022

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ

ĐẾN Số: 19652
Ngày: 1/7
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

HƯỚNG DẪN

Thực hiện các nội dung thành phần thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới do Hội LHPN Việt Nam được phân công chủ trì giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Nhằm thực hiện đạt hiệu quả các nội dung thành phần do Hội LHPN Việt Nam được phân công chủ trì thực hiện trong Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình), Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam ban hành hướng dẫn thực hiện như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Hội LHPN các cấp và các ban ngành trong phối hợp tổ chức tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung thành phần do Hội LHPN Việt Nam chủ trì thực hiện tại địa phương phù hợp với mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

2. Phát huy nội lực, vai trò chủ thể của hội viên, phụ nữ; sự chủ động của Hội LHPN các cấp trong vận động và phối hợp với các ngành, các cấp triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung thành phần do Hội LHPN Việt Nam chủ trì thực hiện trong Chương trình;

3. Góp phần thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII đề ra;

B. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. **Phạm vi thực hiện:** Hướng dẫn này được thực hiện đối với các nội dung thành phần do Hội LHPN Việt Nam chủ trì trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chương trình xây dựng nông thôn mới).

2. Đối tượng áp dụng: Hướng dẫn này áp dụng đối với Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp tham gia thực hiện các nội dung thành phần trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến hết năm 2025.

C. NỘI DUNG

I. Thực hiện nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”

1. Nội dung và hoạt động: Thực hiện theo Hướng dẫn số 09/HD-ĐCT ngày 30/6/2017 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam về triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025” (Hướng dẫn kèm theo).

2. Bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:

2.1. Giải thưởng cho các dự án/ý tưởng đạt giải tại hoạt động Ngày phụ nữ khởi nghiệp tại các cấp Hội Phụ nữ.

2.2. Hỗ trợ thực hiện, nhân rộng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh khả thi, nội dung hỗ trợ bao gồm:

- Khảo sát, đánh giá lựa chọn, triển khai, thực hiện mô hình điển hình phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, cây con giống, nguyên vật liệu đầu vào... nhằm phát triển mô hình.

- Hỗ trợ các hoạt động nhằm nhân rộng và phát triển mô hình bao gồm: Chi hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm: hỗ trợ khảo sát thị trường, nghiên cứu công nghệ, thử nghiệm sản phẩm, câu chuyện sản phẩm; hỗ trợ hệ thống nhận diện thương hiệu; chứng nhận sở hữu trí tuệ, công nhận phát minh sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ; tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, thương mại điện tử cho sản phẩm khởi nghiệp; thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển mô hình; tổ chức các sự kiện giới thiệu, quảng bá sản phẩm; triển khai hỗ trợ điểm bán và giới thiệu sản phẩm (hỗ trợ biển hiệu, quầy kệ, một số trang thiết bị để phục vụ trưng bày và bán sản phẩm...).

2.3. Hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ Hội thông qua thiết lập cơ sở hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp của các cấp Hội, bao gồm:

+ Thành lập mô hình và duy trì sinh hoạt mô hình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp (Business Hub) tại cấp TW, đại diện vùng miền và nhân rộng mô hình tại các cấp tỉnh/thành nhằm giúp tạo lập và vận hành không gian các hoạt động nằm

trong hệ sinh thái hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp như: đào tạo, kết nối, huấn luyện, vườn ươm...

+ Thành lập mô hình và duy trì hoạt động Mạng lưới cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ trên cơ sở phát huy sức mạnh của các Hiệp hội/Câu lạc bộ nữ doanh nhân và các nhà tư vấn, cố vấn có tiềm năng sẵn sàng tham gia hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh doanh, khởi nghiệp.

II. Thực hiện nội dung 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”

1. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia xây dựng nông thôn mới

a. Hình thức tuyên truyền, vận động:

- Đổi mới, đa dạng hóa phương thức, loại hình, sản phẩm truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin của Hội (Báo Phụ nữ Việt Nam, tờ Thông tin phụ nữ, Cổng thông tin điện tử), mạng xã hội...;

- Tổ chức thí điểm các hoạt động/sự kiện truyền thông quy mô lớn; hội nghị, hội thảo, hội thi, diễn đàn, sân khấu hoá ...

- Xây dựng, biên soạn, nhân bản tài liệu tập huấn/truyền thông; Tư liệu hóa các sáng kiến, cách làm hay, nhân diện các mô hình điển hình sáng tạo, hiệu quả tiêu biểu.

b. Nội dung tuyên truyền, vận động

- Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Nội dung bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, vai trò của phụ nữ và tổ chức Hội trong tham gia xây dựng Nông thôn mới; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong tình hình mới; thúc đẩy bình đẳng giới trong các tiêu chí về giáo dục, y tế, lao động việc làm, xây dựng hệ thống chính trị, môi trường...; cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không 3 sạch; thí điểm xây dựng “Gia đình 5 có, 3 sạch; xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, giảm thiểu rác thải nhựa/phân loại rác thải tại nguồn;

- Các mô hình “Gia đình 5 không, 3 sạch”, thí điểm xây dựng “Gia đình 5 có, 3 sạch trong xây dựng nông thôn mới”, mô hình “Dịch vụ gia đình” ở các xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; mô hình địa chỉ tin cậy tại cộng đồng, mô hình Ngôi nhà bình yên hỗ trợ trẻ em bị bạo lực, xâm hại, buôn bán trở về; mô hình Nhóm cha mẹ trong chăm sóc phát triển toàn diện trẻ em từ 0-8 tuổi tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Chương trình “Mẹ đỡ đầu” hỗ trợ, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi do tác động của dịch COVID – 19.

2. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp

a. Đối tượng đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

- Cán bộ thực hiện Chương trình của các Bộ/ngành, tỉnh/thành;
- Cán bộ Hội LHPN các cấp và các hội viên, phụ nữ khác có nhu cầu;
- Hội viên chi, tổ hội phụ nữ và các hội viên, phụ nữ khác có nhu cầu.

b. Nội dung đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

- Tổ chức tập huấn về vận động, thúc đẩy bình đẳng giới trong xây dựng nông thôn mới; Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không/5 có, 3 sạch”; công tác gia đình, hỗ trợ trẻ em và phụ nữ yếu thế, phụ nữ dễ bị tổn thương;
- Tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho phụ nữ về bình đẳng giới để tạo nguồn cán bộ tham gia vào các cơ quan Đảng, dân cử, chính quyền các cấp ở địa phương;
- Các chuyên đề trong nội dung thành phần Hội LHPN Việt Nam chủ trì.

3. Xây dựng các mô hình điểm về thực hiện các nội dung Hội tham gia trong xây dựng nông thôn mới; duy trì, nhân rộng các mô hình sẵn có tại địa phương

a. Đối tượng:

- Hội LHPN xã, phường, thị trấn; Chi hội, tổ phụ nữ; hộ gia đình, nhóm hộ gia đình.

b. Nội dung:

- Triển khai thí điểm mô hình xây dựng “Gia đình 5 có, 3 sạch” tại 100% xã nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 (địa bàn mục tiêu theo mục tiêu chương trình Nông thôn mới là từ 236 - 880² xã đạt nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu trong giai đoạn), trong đó: (1) Năm 2022: mỗi tỉnh lựa chọn 01 xã đạt nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để triển khai thí điểm; (2) Từ 2023-2025: Nhân rộng hướng tới mở rộng trên 100% số xã đạt nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu;

- Xây dựng điểm mô hình “Dịch vụ gia đình” tại các xã nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu; mô hình “Giáo dục làm cha mẹ” tại các xã nông thôn mới; các mô hình đặc thù dành cho đồng bào dân tộc thiểu số, hỗ trợ phụ nữ yếu thế, phụ nữ dễ bị tổn thương; hỗ trợ nâng cao hiệu quả các địa chỉ tin cậy tại cộng

² Theo báo cáo nghiên cứu khả thi CT MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, năm 2020 có 236 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, phần đầu năm 2025 có 40% là 880 xã đạt chuẩn NTM nâng cao.

đồng, mô hình “Ngôi nhà bình yên” hỗ trợ trẻ em bị bạo lực, xâm hại, buôn bán trở về;

- Triển khai hiệu quả Chương trình “Mẹ đỡ đầu” theo kế hoạch 1132/KH-ĐCT ngày 17/10/2021 và hướng dẫn số 62/HD-ĐCT ngày 09/12/2021 của Đoàn Chủ tịch về việc triển khai Chương trình “Mẹ đỡ đầu” hỗ trợ, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi do tác động của dịch COVID – 19 gắn với thực hiện tiêu chí 18.5³ của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Tăng cường vận động và điều phối các nguồn lực hỗ trợ tại cấp Trung ương cho các địa phương để chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mồ côi; Phối hợp chặt chẽ với ngành LĐTB&XH và chính quyền địa phương trong vận động, đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ tổng thể, toàn diện, lâu dài cho trẻ em mồ côi; Theo dõi, tổng hợp kết quả, tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình “Mẹ đỡ đầu”;

- Tổ chức các hoạt động, mô hình thí điểm nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới ở khu vực nông thôn; Đẩy mạnh công tác giáo dục gia đình, tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội;

- Duy trì, nâng cao chất lượng, nhân rộng các mô hình hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương: mô hình xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch; mô hình Nhóm cha mẹ trong chăm sóc phát triển toàn diện trẻ em từ 0-8 tuổi tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả đã đạt được, những ưu điểm, tồn tại; nhwunxg khó khăn, hạn chế để có giải pháp khắc phục; Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, biểu dương khen thưởng nhân rộng những mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo để tạo sức lan tỏa trong tổ chức Hội; tổ chức tham quan, trao đổi học tập, chia sẻ kinh nghiệm mô hình.

4. Thực hiện Chỉ tiêu 17.8 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 94/QĐ-ĐCT ngày 14/4/2022 và Hướng dẫn).

5. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá; sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung thành phần và đề xuất chính sách

- Tham gia tích cực, trách nhiệm trong Ban chỉ đạo trung ương về tổng kết các Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các chương trình mục tiêu, chiến lược quốc gia của Chính phủ; góp ý sửa đổi, bổ sung các văn bản luật pháp, chính sách về tăng cường thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

³ Chỉ tiêu 18.5 gồm: Đảm bảo BĐG và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả công tác triển khai, công tác tuyên truyền; công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; xây dựng mô hình điểm theo quy định; căn cứ khung hướng dẫn chung của địa phương, xây dựng Kế hoạch giám sát, đánh giá chương trình MTQG theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 nhằm đề xuất những giải pháp, kiến nghị để thực hiện tốt công tác xây dựng nông thôn mới;

- Hướng dẫn chi tiết tỉnh/thành giám sát thực hiện đối với từng tiêu chí liên quan đến phụ nữ và trẻ em, gia đình và bình đẳng giới (*Phụ lục 3: Một số định hướng cụ thể về các tiêu chí*);

- Nghiên cứu, đề xuất nhiều chính sách, chương trình, đề án tập trung vào an sinh xã hội, thể chế hóa quy định pháp luật về bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ và tổ chức Hội;

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát hàng năm qua các đợt đi công tác, tổ chức các hoạt động, thực hiện định kỳ báo cáo 6 tháng/1 năm, sơ/tổng kết; Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả hoạt động các nội dung thành phần trong Chương trình.

III. Cơ chế tài chính và nguồn kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025

1. Cơ chế tài chính: Thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, quy định của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; vốn lồng ghép từ các chương trình, đề án của các ban ngành, địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác (nếu có);

Đối với cấp tỉnh/thành: Các cấp Hội chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động, đề xuất nhu cầu kinh phí giai đoạn 5 năm và hằng năm với UBND cùng cấp phân bổ ngân sách để thực hiện các nội dung. Kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí cần bám sát các Thông tư hướng dẫn của Bộ NN và PTNT, Bộ Tài chính và kế hoạch của Ban Chỉ đạo Chương trình NTM các địa phương. Thực hiện và vận dụng các nguyên tắc lồng ghép vốn của 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 theo Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 để sử dụng nguồn vốn hiệu quả và lồng ghép với các chương trình, đề án khác, dự án quốc tế do Hội chủ trì hoặc phối hợp thực hiện và nguồn xã hội hóa.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cấp Hội xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thành phần đề hoạt động hàng năm theo nội dung 03, nội dung 05 thuộc nội dung thành phần số 09 của Chương trình;

- Hỗ trợ xây dựng thực hiện, nhân rộng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh khả thi; mô hình “Chi hội phụ nữ 5 có, 3 sạch xây dựng nông thôn mới” và mô hình Dịch vụ gia đình, giảm gánh nặng việc nhà cho phụ nữ nông thôn tại các xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; tiếp tục duy trì hiệu quả mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”. Trên cơ sở đó tài liệu hóa các quy trình thực hiện và hướng dẫn các cấp Hội hỗ trợ, nhân rộng mô hình cho phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế từng địa phương;

- Hỗ trợ, thành lập và vận hành các mô hình thuộc các nội dung thành phần tại một số đơn vị sự nghiệp thuộc Trung ương Hội và một số tỉnh/thành phố; trên cơ sở đó đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình tại các cấp tỉnh/thành Hội;

- Ban hành hướng dẫn triển khai Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu PNTQ lần thứ XIII, chú trọng các nhiệm vụ Hội được phân công chủ trì và phối hợp thực hiện;

- Tổ chức các hoạt động hướng dẫn, kiểm tra giám sát, đánh giá Đề án/ Kế hoạch tại các địa phương.

2. Hội LHPN các tỉnh/thành, đơn vị:

- Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam và của địa phương chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, tham mưu đề xuất với Chính quyền địa phương nhằm xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương Hội;

- Các tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025 chủ động nghiên cứu, kết hợp, lồng ghép hoạt động, địa bàn, kinh phí, đối tượng thụ hưởng để thực hiện hai Chương trình đảm bảo đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra và hiệu quả nguồn kinh phí.- Hướng dẫn Hội LHPN quận/huyện xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 và kế hoạch hàng năm;

- Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện 6 tháng, năm trong báo cáo hoạt động Hội 6 tháng, năm gửi về Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện nội dung 03, 05 thuộc nội dung thành phần số 09 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đề nghị Ban Thường vụ Hội LHPN các tỉnh/thành căn cứ vào các Quyết định phê duyệt thực hiện Chương trình, các văn bản khác có liên quan và hướng dẫn này xây dựng Đề án/Kế hoạch trình UBND cùng cấp phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả. *nh*

Nơi nhận:

- Thường trực ĐCT;
- Bộ NN & PTNT;
- Bộ Tài Chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- VP Điều phối NTM TW/tỉnh/thành;
- UBND tỉnh/thành (để phối hợp);
- Các ban, đơn vị TW Hội;
- Phòng tổng hợp;
- Hội LHPN 63 tỉnh/thành;
- Lưu: VT, GĐXH.

Đề
báo
cáo

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Ngọc Hạnh

Phụ lục 1:

CÁC NỘI DUNG THÀNH PHẦN HỘI LHPN VIỆT NAM THỰC HIỆN TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 giao Hội LHPN Việt Nam chủ trì và phối hợp thực hiện, cụ thể:

*** Nhiệm vụ Hội được phân công chủ trì:**

1. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM

- Nội dung 03: Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025” gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và phát triển hợp tác xã, phát triển du lịch nông thôn (*nội dung 03 thuộc nội dung thành phần số 09*);

- Nội dung 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”

*** Nhiệm vụ Hội được phân công phối hợp với Bộ LĐTB và XH**

1. Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Nội dung 06: Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội

Phụ lục 2:

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CỤ THỂ VỀ CÁC TIÊU CHÍ “GIA ĐÌNH 5 KHÔNG, 3 SẠCH”

1. Nội dung các tiêu chí 5 không, gồm:

(1) **Tiêu chí “Gia đình không đói nghèo”**: Thực hiện các tiêu chí NTM: Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư; Tiêu chí số 10 - Thu nhập; Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm;

- Gia đình có đủ các điều kiện vật chất và tinh thần để duy trì cuộc sống ngang bằng với mức sống tối thiểu trong điều kiện chung của cộng đồng và không thuộc diện hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo của Chính phủ (theo tiêu chí xác định chuẩn nghèo đa chiều)³.

(2) **Tiêu chí “Gia đình không vi phạm pháp luật và TNXH”**: Thực hiện tiêu chí NTM: Tiêu chí số 16 - Văn hóa; Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; Tiêu chí số 19- Quốc phòng và an ninh.

- Các thành viên trong gia đình chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương và quy ước, hương ước cộng đồng;

- Các thành viên trong gia đình không mắc tệ nạn xã hội (ma túy, cờ bạc, lô đề, mại dâm...); Những gia đình từng có người vi phạm, nhưng đã được giúp đỡ, sửa chữa và trong năm không còn vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội;


(3) **Tiêu chí “Gia đình không bạo lực”**: Thực hiện tiêu chí NTM: Tiêu chí số 16 - Văn hóa; Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

- Mọi thành viên trong gia đình yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, cùng chia sẻ mọi quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm;

- Không có tình trạng bạo lực giữa các thành viên trong gia đình (bạo lực về thể chất, tinh thần, kinh tế, tình dục...) hoặc hộ gia đình đã xảy ra bạo lực gia đình nhưng không tái diễn hành vi bạo lực, được bản thân hộ gia đình và cộng đồng xung quanh công nhận, đánh giá trong năm.

(4) **Tiêu chí “Gia đình không vi phạm chính sách dân số”**: Thực hiện tiêu chí NTM: Tiêu chí số 16 - Văn hóa; Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

- Không thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về dân số. Đặc biệt, không thực hiện các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi; không loại bỏ thai nhi vì lý do lựa chọn giới tính;

³ Điều 3, NĐ 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025: Khu vực nông thôn: Hộ gia đình có thu nhập bình từ 1.500.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên; Khu vực thành thị: Hộ gia đình có thu nhập bình quân 2.000.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Hoặc có thể theo tiêu chuẩn của địa phương nhưng không thấp hơn tiêu chuẩn chung như trên. 

- Không phân biệt đối xử giữa con trai và con gái;
- Mọi gia đình có trách nhiệm quan tâm chăm lo cho phụ nữ và trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dân số;
- Mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao, duy trì kết quả ở nơi đã đạt mức sinh thay thế, sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp.

(5) Tiêu chí “Gia đình không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học”: Thực hiện tiêu chí NTM: Tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo; Tiêu chí số 15 - Y tế.

- Trẻ em trong gia đình được chăm sóc đầy đủ, đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và trí tuệ; không bị thiếu các chất dinh dưỡng; đạt chuẩn cân nặng và chiều cao, thể béo phì theo lứa tuổi;
- Cha mẹ, người lớn luôn quan tâm đến việc học tập của trẻ em, tạo điều kiện để trẻ được đi học đúng độ tuổi; không để trẻ bỏ học giữa chừng; dành thời gian hướng dẫn, động viên con/cháu học tập, thường xuyên liên hệ với nhà trường và thầy cô giáo để nắm rõ tình hình học tập của con/cháu.

2. Nội dung 3 sạch, gồm:

(1) Tiêu chí “Sạch nhà”

- Giữ gìn nhà cửa luôn sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp;
- Có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh;
- Sử dụng nước hợp vệ sinh và có nước sạch trong sinh hoạt;
- Có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

(2) Tiêu chí “Sạch bếp”

- Giữ gìn nơi đun nấu, nồi, xoong, bát, đĩa, dụng cụ, đồ đựng thức ăn luôn sạch sẽ, gọn gàng, hợp vệ sinh;
- Đảm bảo an toàn thực phẩm: Không sử dụng chất cấm, hoá chất kích thích tăng trưởng trong trồng trọt và chăn nuôi. Sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong trồng trọt theo đúng quy chuẩn. Thu dọn chai, lọ, vỏ bao đựng phân bón và thuốc trừ sâu sau khi sử dụng, đem tiêu huỷ tại nơi quy định. Trồng trọt và thu hoạch rau, củ, quả đảm bảo an toàn;
- Đảm bảo vệ sinh thực phẩm: Có chạn, tủ bếp để cất giữ thức ăn. Sử dụng thực phẩm bảo đảm dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Rửa tay bằng xà phòng trước và sau khi chế biến, sử dụng thức ăn.

(3) Tiêu chí “Sạch ngõ”

- Giữ sân, ngõ của gia đình và khu vực đường làng, ngõ xóm xung quanh nơi ở của gia đình sạch sẽ, không để nước đọng, rác thải bừa bãi làm ảnh hưởng đến mỹ quan và sức khỏe của con người;
- Có thùng chứa rác thải và thực hiện phân loại rác thải theo hướng dẫn;
- Tham gia xây dựng cảnh quan, môi trường chung của cộng đồng xanh - sạch - đẹp.

Phụ lục 3:

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CỤ THỂ VỀ CÁC TIÊU CHÍ “GIA ĐÌNH 5 CÓ, 3 SẠCH”

1. Nội dung các tiêu chí 5 có, gồm:

(1) Có ngôi nhà an toàn

- Nhà ở đảm bảo an toàn đạt tiêu chuẩn 3 cứng theo quy định⁴, Có phương tiện, điều kiện cơ sở vật chất gia đình dự phòng chủ động phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em, phòng chống thiên tai trong nhà theo đặc thù địa phương;

- Có môi trường sống an toàn để cá nhân được sinh ra, nuôi dưỡng và trưởng thành; Các thành viên trong gia đình được yêu thương, chia sẻ, bình đẳng, tôn trọng, gắn kết và đảm bảo an toàn về tính mạng, thân thể, tinh thần, sức khỏe, an toàn trong gia đình và trong không gian mạng; không bạo lực, xâm hại về thể chất, tinh thần, kinh tế;

- Khuôn viên, cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp theo quy hoạch vườn mẫu nông thôn mới.

(2) Có sinh kế bền vững

- Có việc làm, thu nhập trên mức chuẩn hộ nghèo;

- Có phương án phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện nguồn lực của gia đình;

- Có ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh, tạo ra sản phẩm an toàn theo quy định của nhà nước;

- Tham gia các hoạt động hợp tác, liên kết trong ít nhất 1 khâu: sản xuất, chế biến, tiêu thụ...;

- Có các hoạt động tích lũy tiết kiệm, đảm bảo kinh tế và có ý chí làm giàu.

(3) Có sức khỏe

- Các thành viên trong gia đình tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chăm sóc khỏe, nâng cao đời sống tinh thần; tham gia ít nhất 01 môn thể thao phù hợp với độ tuổi và sức khỏe;

- Có thẻ BHYT cho tất cả thành viên trong gia đình;

- Có khám sức khỏe định kỳ, tiêm phòng đầy đủ;

- Có kiến thức kỹ năng thực hành dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.

(4) Có kiến thức

- Có kiến thức kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình, ứng xử xây dựng gia đình hạnh phúc;

⁴ Đảm bảo “3 cứng” là nền cứng, khung cứng, mái cứng, diện tích nhà ở đạt từ 14m²/người trở lên, các công trình bếp, nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi phải được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt.

- Có con trong độ tuổi mầm non, tiểu học, THCS, THPT đi học theo độ tuổi quy định;
- Có kiến thức kỹ năng về chăm sóc sức khỏe, chăm sóc, bảo vệ trẻ em;
- Có kỹ năng xử lý tình huống và tự bảo vệ các thành viên trong gia đình;
- Gia đình có kết nối và sử dụng Internet hoặc các thành viên có sử dụng mạng thiết bị di động tra cứu thông tin và truy cập thông tin thường xuyên; khuyến khích có tủ sách gia đình.

(5) Có nếp sống văn hóa

- Các thành viên trong gia đình có ý thức chấp hành pháp luật, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội. Có lối sống lành mạnh, có ý thức gìn giữ nề nếp, gia phong, vun đắp những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Thể hiện sự hiếu khách, tôn trọng văn hóa, sắc tộc, tín ngưỡng các nước, nhất là tại các địa bàn du lịch, khu chế xuất và địa bàn có du khách quốc tế nói chung;

- Mỗi thành viên có trách nhiệm với nhau trong chăm sóc, hiếu thuận với ông bà, cha mẹ và giáo dục trẻ em để đảm bảo sự bền vững của gia đình, đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội; Có trách nhiệm với xã hội trong kết hôn và sinh con để hình thành khuôn mẫu gia đình điển hình, đảm bảo sự phát triển bền vững xã hội nhằm xây dựng gia đình kiểu mẫu "ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hoà thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau".

- Không bạo lực gia đình và xâm hại trẻ em;
- Thực hiện tốt các quy định trong việc cưới, việc tang không có các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan;
- Tham gia tích cực các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, nhân đạo từ thiện, giữ gìn văn hóa truyền thống tốt đẹp ở địa phương; tích cực, nòng cốt trong tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới;
- Gia đình đạt gia đình văn hóa.

2. Nội dung 3 sạch, gồm:

(1) Tiêu chí "Sạch nhà"

- Giữ gìn nhà cửa luôn sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp (Nhà đạt chuẩn 3 cứng theo quy định);
- Có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh⁵;
- Sử dụng nước hợp vệ sinh và có nước sạch trong sinh hoạt;
- Có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường⁶.

(2) Tiêu chí "Sạch bếp"

- Giữ gìn nơi đun nấu, nồi, xoong, bát, đĩa, dụng cụ, đồ đựng thức ăn luôn sạch sẽ, gọn gàng, hợp vệ sinh;

⁵ Theo QCVN 01:2011/BYT của Bộ Y tế

⁶ Bố trí chuồng trại ở vị trí hợp lý và có các biện pháp xử lý chất thải, nước thải chăn nuôi phù hợp, không có mùi hôi, không gây ô nhiễm môi trường

- Đảm bảo an toàn thực phẩm: Không sử dụng chất cấm, hoá chất kích thích tăng trưởng trong trồng trọt và chăn nuôi. Sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong trồng trọt theo đúng quy chuẩn. Thu dọn chai, lọ, vỏ bao đựng phân bón và thuốc trừ sâu sau khi sử dụng, đem tiêu huỷ tại nơi quy định. Trồng trọt và thu hoạch rau, củ, quả đảm bảo an toàn;

- Đảm bảo vệ sinh thực phẩm: Có chạn, tủ bếp để cất giữ thức ăn. Sử dụng thực phẩm bảo đảm dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Rửa tay bằng xà phòng trước và sau khi chế biến, sử dụng thức ăn;

- Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý rác tại hộ gia đình; nước thải được thu gom xử lý đảm bảo yêu cầu.

(3) Tiêu chí “Sạch ngõ”

- Giữ sân, ngõ của gia đình và khu vực đường làng, ngõ xóm xung quanh nơi ở của gia đình sạch sẽ, không để nước đọng, rác thải bừa bãi làm ảnh hưởng đến mỹ quan và sức khỏe của con người;

- Có thùng chứa rác thải và thực hiện phân loại, xử lý rác thải theo hướng dẫn;

- Hàng rào được phủ cây hoặc hoa tạo cảnh quan xanh sạch đẹp. Khuôn viên Nhà có cây xanh, hoa hoặc cây cảnh được cắt tỉa chăm sóc đảm bảo tổng thể khuôn viên sáng- xanh- sạch- đẹp. *nh*

Phụ lục 4:

Một số tiêu chí liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình và BĐG trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025

1. Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới

1.1. Liên quan đến bình đẳng giới:

- **Tiêu chí số 5. Trường học:** Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định (*Bộ GD-ĐT công bố chỉ tiêu cụ thể*)

- Tiêu chí số 6, Cơ sở vật chất văn hóa

+ Chỉ tiêu 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định¹²

- Tiêu chí 12. Lao động

+ Chỉ tiêu 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)

+ Chỉ tiêu 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)

- Tiêu chí 14. Giáo dục và Đào tạo

+ Chỉ tiêu 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ (*Bộ GD-ĐT công bố chỉ tiêu cụ thể*)

+ Chỉ tiêu 14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)

- Tiêu chí 15. Y tế

+ Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)

+ Chỉ tiêu 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)

+ Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử

- Tiêu chí 18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

+ Chỉ tiêu 18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ

¹² Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

1.2. Liên quan đến gia đình

- **Tiêu chí 16. Văn hóa:** Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới

- Tiêu chí 17. Môi trường và an toàn thực phẩm

+ Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch¹³

+ Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm

2. Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025

2.1. Liên quan đến bình đẳng giới:

- Tiêu chí số 5. Giáo dục:

+ Chỉ tiêu 5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- **Tiêu chí nhà ở dân cư:** Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố (UBND tỉnh quy định cụ thể)

- Tiêu chí 12. Lao động

+ Chỉ tiêu 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)

+ Chỉ tiêu 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)

- Tiêu chí 13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

+ 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định

- Tiêu chí 14. Y tế

+ Chỉ tiêu 14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)

+ Chỉ tiêu 14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)

+ Chỉ tiêu 14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)

2.2. Liên quan đến gia đình

¹³ Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động)

- Tiêu chí 6. Văn hóa

+ Chỉ tiêu 6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới

- Tiêu chí 17. Môi trường

+ Chỉ tiêu 17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.

+ Chỉ tiêu 17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Tiêu chí 18. Chất lượng môi trường sống

+ Chỉ tiêu 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung

+ Chỉ tiêu 18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm

+ Chỉ tiêu 18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch *nh*

HƯỚNG DẪN
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
“HỖ TRỢ PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2017 - 2025”

Thực hiện Quyết định số 939 ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Hỗ trợ Phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025*” (gọi tắt là *Đề án*), Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam hướng dẫn Hội LHPN các tỉnh/thành triển khai thực hiện Đề án như sau:

1. Xây dựng và phê duyệt Đề án/Kế hoạch các tỉnh/thành

- Hội LHPN tỉnh/thành chủ động báo cáo Tỉnh ủy về chủ trương Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp của Hội LHPN Việt Nam thông qua “Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Chủ động xây dựng Đề án/Kế hoạch Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp căn cứ trên tình hình thực tế của địa phương và trình Chủ tịch UBND tỉnh/thành phê duyệt.

1.1. Căn cứ xây dựng Đề án/Kế hoạch

- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng;
- Văn kiện Đại hội Đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XII;
- Đề án 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;
- Quyết định số 939 ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ Phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 -2025”;
- Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh, thành nhiệm kỳ 2015- 2020;
- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Phụ nữ tỉnh, thành nhiệm kỳ 2016-2021;
- Các chương trình, đề án có liên quan của địa phương.

1.2. Yêu cầu đối với Đề án/Kế hoạch của các tỉnh/thành

- Xác định cụ thể mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp, kinh phí và tổ chức thực hiện theo từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu tình hình thực tế của địa phương nhằm đạt mục tiêu chung của Đề án; lồng ghép với các đề án, chương trình khác có liên quan tại địa phương.

- Bảo đảm khả năng giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình triển khai thực hiện. Các số liệu thông tin báo cáo phải cụ thể, chính xác, có độ tin cậy.

1.3. Các nội dung cơ bản của Đề án/Kế hoạch:

+ Sự cần thiết: những căn cứ xây dựng Đề án/Kế hoạch, đặc điểm tình hình của nơi thực hiện Đề án...

- + Xác định mục tiêu tổng quát của Đề án
- + Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể
- + Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp
- + Kinh phí
- + Tổ chức thực hiện

- Một số điểm lưu ý khi xây dựng Đề án/ Kế hoạch:

- + Các nội dung phù hợp với mục tiêu và nguồn lực của từng địa phương.
- + Các nguồn lực tài chính và con người nhằm đáp ứng yêu cầu cho việc tổ chức thực hiện Đề án/Kế hoạch, bao gồm cả yêu cầu về kỹ thuật (cung cấp thông tin, chuyên gia, huấn luyện, đào tạo, các công cụ...) và quan hệ với các nhà tài trợ (nếu có).

+ Vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Đề án/Kế hoạch.

+ Dự toán kinh phí cho từng nhiệm vụ và tổng kinh phí của Đề án/Kế hoạch, và phân chia rõ nguồn (ngân sách nhà nước, xã hội hóa).

+ Dự kiến các phương pháp sử dụng để đánh giá và triển khai các hoạt động thuộc Đề án/Kế hoạch (Công cụ đánh giá).

2. Triển khai thực hiện Đề án và các hoạt động “Hỗ trợ Phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”.

2.1. Tuyên truyền, vận động phụ nữ nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh; vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế

- Tổ chức Hội nghị quán triệt, phổ biến về Quyết định số 939 ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ tới cán bộ Hội chủ chốt các cấp.

- Tổ chức tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh; vai trò, vị trí của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế, kết quả thực hiện Đề án qua xây dựng chuyên mục về phụ nữ khởi nghiệp; phát triển kinh doanh trên trang thông tin điện tử của Hội, Báo Phụ nữ Việt Nam, trên trang điện tử phunuvietnam online, các báo của các bộ ngành, địa phương, qua sinh hoạt tổ/nhóm, câu lạc bộ, các mô hình hoạt động của Hội...

- Xây dựng mô hình điểm đại diện vùng miền, nhóm đối tượng và triển khai nhân rộng.

2.2. Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp:

2.2.1 Hỗ trợ phụ nữ đổi mới sáng tạo phát triển kinh doanh và khởi nghiệp

a/ Hỗ trợ hiện thực hóa ý tưởng sáng tạo:

- *Tổ chức Ngày Phụ nữ khởi nghiệp:*

+ Phát động Ngày Phụ nữ khởi nghiệp, lựa chọn thông điệp và chủ đề phù hợp với từng năm (cấp tỉnh: 08/3; cấp TW: 20/10 hàng năm).

+ Hướng dẫn phụ nữ cách xây dựng ý tưởng/dự án kinh doanh để tham dự ngày phụ nữ khởi nghiệp và tìm kiếm nhà đầu tư.

+ Tiếp nhận các ý tưởng sáng tạo của phụ nữ đăng ký dự thi; sàng lọc, xét duyệt, phân loại các ý tưởng có tính khả thi.

+ Tổ chức các sự kiện kết nối nguồn lực để hỗ trợ hiện thực hóa những ý tưởng sáng tạo, đổi mới của phụ nữ đã được lựa chọn; hỗ trợ các doanh nghiệp có nhu cầu phát triển về chất lượng và quy mô.

+ Vinh danh, khen thưởng các tập thể, cá nhân phụ nữ có ý tưởng/công trình nghiên cứu có giá trị ứng dụng cao (sản xuất/kinh doanh sản phẩm sạch, an toàn, bảo vệ môi trường... đem lại lợi ích cho phụ nữ và cộng đồng).

- *Hỗ trợ nâng cao năng lực kinh doanh, khởi nghiệp cho phụ nữ có ý tưởng kinh doanh khả thi.*

+ Tập huấn, đào tạo nghề, đào tạo kiến thức về khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp; tiếp cận vốn tín dụng dành cho DNNVV; xây dựng thương hiệu/sở hữu trí tuệ...

+ Tổ chức các lớp giáo dục tài chính; hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, phụ nữ có ý tưởng khởi nghiệp.

+ Giới thiệu, tư vấn, kết nối cho phụ nữ có ý tưởng kinh doanh, khởi nghiệp tham gia các lớp đào tạo nghề, đào tạo kiến thức khởi sự kinh doanh do các Quỹ hỗ trợ phát triển DNNVV và các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp khác.

+ Bổ sung chương trình, tài liệu, giáo trình về kiến thức khởi sự kinh doanh, phát triển doanh nghiệp có lồng ghép giới trên cơ sở các tài liệu hiện hành.

- *Hỗ trợ pháp lý, xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ cho phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp có sự đổi mới sáng tạo.*

+ Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể của phụ nữ đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu, bảo hộ thương hiệu sản phẩm; đăng ký sở hữu trí tuệ cho các phát minh, sáng chế, các sản phẩm sản xuất/sản phẩm chủ lực, đặc sản của địa phương. Kết nối với các đơn vị chức năng (Sở Công thương, Sở Kế hoạch Đầu tư ...) để tư vấn pháp lý.

+ Phát hiện, giới thiệu các cá nhân, nhóm cá nhân là nữ có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới... để được hỗ trợ từ Đề án

“Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

+ Tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm.

- *Hỗ trợ tiếp cận tín dụng:*

+ Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp nữ mới thành lập có nhu cầu tiếp cận tín dụng từ các Tổ chức tín dụng, các Quỹ tín dụng trong chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ của quốc gia, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm (120) các Quỹ cho vay kinh tế tập thể của quốc gia và các địa phương.

+ Hỗ trợ vốn cho phụ nữ có đăng ký kinh doanh (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể) phát triển kinh doanh thông qua vốn chủ động từ Hội và các tổ chức tín dụng.

b/ Hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp nữ mới thành lập

- Tập huấn, đào tạo kiến thức, đào tạo nghề; tổ chức các hoạt động điếm cấp vùng, cụm (xúc tiến thương mại, tổ chức đối thoại giữa doanh nghiệp nữ với chính quyền...).

- Tư vấn, hỗ trợ các DN nữ tiếp cận các nguồn lực: về vốn, pháp lý, khoa học công nghệ...

- Tư vấn, hỗ trợ nâng cao chất lượng của các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp nữ.

c/ Tăng cường năng lực cho các đơn vị hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp

- Nghiên cứu, xây dựng và vận hành mô hình tăng quyền năng kinh tế cho phụ nữ (Business Hub).

- Nâng cao năng lực của cán bộ Hội chịu trách nhiệm đầu mối phụ trách hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp về kỹ năng kinh doanh, kỹ năng quản lý, điều hành, kết nối các đơn vị hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp.

- Tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật cho các đơn vị hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.

- Tham gia là thành viên các tổ chức hỗ trợ phụ nữ sáng tạo, đổi mới khởi nghiệp và phát triển kinh doanh.

2.3 Nghiên cứu, đề xuất chính sách, kiểm tra giám sát việc thực hiện chính sách luật pháp hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh

2.3.1 Nghiên cứu đánh giá về hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp theo đối tượng, khu vực.

- Đề xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ (tập trung cho DN siêu nhỏ).

- Nghiên cứu đề xuất giải pháp tổ chức tư vấn, đối thoại chính sách về hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp.

- Xây dựng và phát hành tài liệu Cẩm nang dành cho cán bộ Hội trong hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.

2.3.2 Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp cho phụ nữ.

- Giám sát việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật và thực thi chính sách về phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp cho phụ nữ theo Quy chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên.

- Phản biện xã hội đối với các dự thảo chính sách, luật pháp về phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp cho phụ nữ.

- Tham gia góp ý xây dựng văn bản đề xuất chính sách về phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp cho phụ nữ.

- Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số kiểm tra, giám sát, đánh giá các chỉ tiêu, hoạt động của Đề án/Kế hoạch.

3. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện Đề án/ Kế hoạch của tỉnh/thành do Ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp Ngân sách Nhà nước hiện hành, lồng ghép với các chương trình, đề án của các ban ngành, địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác (nếu có).

- Việc lập dự toán chi tiết kinh phí, thực hiện và quyết toán hàng năm theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện

4.1 TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam:

- Truyền thông về nội dung Đề án, kết quả thực hiện Đề án trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tập huấn hướng dẫn Hội LHPN các tỉnh/thành xây dựng triển khai thực hiện Đề án/ Kế hoạch.

- Tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ Hội để hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, ban hành các biểu mẫu, báo cáo, công cụ đánh giá kết quả hoạt động Đề án.

- Tổ chức các hoạt động hướng dẫn, kiểm tra giám sát, đánh giá Đề án/ Kế hoạch tại các địa phương.

4.2 Hội LHPN cấp tỉnh/thành:

- Là cơ quan chủ trì thực hiện Đề án/Kế hoạch cấp tỉnh/thành.

- Tham mưu UBND tỉnh/thành phân công nhiệm vụ cho các Sở/Ban/Ngành liên quan và UBND các huyện/quận tham gia thực hiện Đề án/Kế hoạch.

- Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án/Kế hoạch.

- Phân công lãnh đạo, cán bộ trực tiếp tham gia xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Đề án/Kế hoạch.

- Huy động các nguồn lực, phát huy nội lực tổ chức triển khai thực hiện Đề án lồng ghép với các hoạt động, chương trình, dự án khác do Hội quản lý để góp phần thực hiện mục tiêu Đề án và thực hiện nhiệm vụ công tác Hội.

- Hướng dẫn Hội LHPN cấp huyện xây dựng kế hoạch, triển khai hoạt động phù hợp với Đề án/ Kế hoạch trình UBND cùng cấp phê duyệt.

- Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN cấp huyện, xã triển khai các hoạt động của Đề án/ Kế hoạch.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm theo hướng dẫn của TW Hội LHPN Việt Nam và các cơ quan liên quan.

Trên đây là hướng dẫn xây dựng, triển khai Đề án Hỗ trợ Phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025. Đề nghị Ban Thường vụ Hội LHPN các tỉnh/thành căn cứ vào Quyết định phê duyệt "Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn này xây dựng Đề án/ Kế hoạch trình UBND cùng cấp phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

Để có thêm thông tin, đề nghị các đơn vị liên hệ theo địa chỉ: Đ/c Nguyễn Tam Điệp - Ban Kinh tế, TW Hội LHPN Việt Nam - Số 39, Hàng Chuối, Hà Nội.
ĐT: 04.39726604/ 0936.329.089.

Nơi nhận:

- Hội LHPN 63 tỉnh/thành;
- TT ĐCT (để BC);
- Các ban/đơn vị TW Hội;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết

Số: 94/QĐ-ĐCT

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 17.8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

ĐOÀN CHỦ TỊCH TRUNG ƯƠNG HỘI LHPN VIỆT NAM

- Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;
- Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Xét đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1522/BNN-VPĐP ngày 15 tháng 3 năm 2022 về ban hành văn bản công bố chỉ tiêu cụ thể và hướng dẫn các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ Tiêu chí nông thôn mới và Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao cấp huyện, xã giai đoạn 2021-2025 và đề xuất của Ban Gia đình - Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 17.8 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 do Hội LHPN Việt Nam được phân công chủ trì thực hiện.

Điều 2: Hội liên hiệp Phụ nữ, Ủy ban nhân dân, Văn phòng điều phối NTM các tỉnh, thành và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Thường trực ĐCT (để b/c)
- Các ban, đơn vị TW Hội;
- Lưu: VT; KHTC.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(đã ký)

Tôn Ngọc Hạnh

HƯỚNG DẪN

Thực hiện chỉ tiêu 17.8 thuộc tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: 94/QĐ-ĐCT ngày 14/4/2022
của Trung ương Hội LHPN Việt Nam)

I. Xã đạt chuẩn chỉ tiêu 17.8 thuộc tiêu chí số 17 về “Môi trường và an toàn thực phẩm” khi đáp ứng các yêu cầu:

1. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh
2. Tỷ lệ hộ đảm bảo tiêu chí 3 sạch: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động.

II. Đánh giá thực hiện

1. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh¹⁴ khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Nhà tiêu hợp vệ sinh phải đảm bảo các điều kiện sau
 - Được xây dựng khép kín với diện tích tối thiểu 0,6 m²;
 - Chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường;
 - Có biện pháp cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp xúc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân (virut, vi khuẩn);
 - Không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở;
 - Không gây mùi hôi, khó chịu.
- b) Nhà tắm hợp vệ sinh đảm bảo các điều kiện sau:
 - Nhà tắm kín đáo có tường bao, có mái che, cửa chắc chắn;
 - Nước thải phải được xử lý và xả nước thải đúng nơi quy định.

¹⁴ theo QCVN 01:2011/BYT của Bộ Y tế

UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm của từng vùng miền.

c) Bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo các điều kiện sau:

- Bể chứa phải có dung tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu sử dụng;
- Sử dụng vật liệu làm bể chứa/dụng cụ chứa không có thành phần độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng và phù hợp với đặc điểm của từng vùng, miền:

- Bể chứa nước được xây dựng bằng gạch hoặc bê tông;
- Lu trữ nước xi măng theo quy định;
- Lu sành, khạp, chum, vại <200 lít;
- Dụng cụ trữ nước sinh hoạt bằng inox, nhựa.

- Bể, dụng cụ trữ nước sinh hoạt phải có nắp đậy kín để ngăn ngừa các chất bẩn khác xâm nhập hoặc muỗi vào đẻ trứng; đối với lu, bể lớn cần có van lấy nước, van xả cặn và van xả tràn.

- Vệ sinh bể trữ nước, lu, vại... trước khi chứa nước và định kỳ 3 tháng/lần; nếu dụng cụ chứa nước bị nhiễm bẩn, cần thau rửa ngay sau khi nước rút bằng Cloramin B hoặc clorua vôi.

2. Tỷ lệ hộ đảm bảo tiêu chí “3 sạch: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ”¹⁵ khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Tiêu chí “Sạch nhà”

- Giữ gìn nhà cửa luôn sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp (Nhà đạt chuẩn 3 cứng theo quy định).

- Có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Sử dụng nước hợp vệ sinh và có nước sạch trong sinh hoạt.

- Có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

f) Tiêu chí “Sạch bếp”

- Giữ gìn nơi đun nấu, nồi, xoong, bát, đĩa, dụng cụ, đồ đựng thức ăn luôn sạch sẽ, gọn gàng, hợp vệ sinh.

- Đảm bảo an toàn thực phẩm: Không sử dụng chất cấm, hoá chất kích thích tăng trưởng trong trồng trọt và chăn nuôi. Sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong trồng trọt theo đúng quy chuẩn. Thu dọn chai, lọ, vỏ bao đựng phân bón và

¹⁵ Theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động

thuốc trừ sâu sau khi sử dụng, đem tiêu huỷ tại nơi quy định. Trồng trọt và thu hoạch rau, củ, quả đảm bảo an toàn.

- Đảm bảo vệ sinh thực phẩm: Có chạn, tủ bếp để cất giữ thức ăn. Sử dụng thực phẩm bảo đảm dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Rửa tay bằng xà phòng trước và sau khi chế biến, sử dụng thức ăn.

g) Tiêu chí “Sạch ngõ”

- Giữ sân, ngõ của gia đình và khu vực đường làng, ngõ xóm xung quanh nơi ở của gia đình sạch sẽ, không để nước đọng, rác thải bừa bãi làm ảnh hưởng đến mỹ quan và sức khỏe của con người.

- Có thùng chứa rác thải và thực hiện phân loại rác thải theo hướng dẫn.

- Tham gia xây dựng cảnh quan, môi trường chung của cộng đồng xanh - sạch - đẹp.

3. Hướng dẫn thực hiện

- Rà soát, đánh giá tỷ lệ nhà tiêu hợp vệ sinh khu vực nông thôn, trong đó có vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp hoặc xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo đáp ứng quy chuẩn chất lượng theo QCVN 01:2011/BYT của Bộ Y tế.

- Hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh khu vực nông thôn; huy động lực lượng, tích cực hỗ trợ ngày công giúp các hộ khó khăn trong xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn cho các hộ dân bỏ kinh phí xây nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

- Đánh giá mức độ xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh.

Biểu 1: Tổng hợp đánh giá thực hiện chỉ tiêu 17.8

TT	Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá	Kết quả đánh giá (Đạt/Không đạt)
1	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy chuẩn (QCVN 01:2011/BYT của Bộ Y tế)	Đạt	
2	Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động.	Đạt	

